

Biểu mẫu 10

UBND HUYỆN CÙ CHI
TRƯỜNG THCS PHÚ HÒA ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1499	417	285	431	366
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1339 89,3%	353 84,7%	240 84,2%	392 91%	354 96,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	158 10,5%	64 15,4%	45 15,8%	37 8,58%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2	0,13	0	2 0,46	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1499	417	285	431	366
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	485 32%	143 34%	87 31%	139 32%	116 31%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	467 31%	123 30%	83 29%	146 34%	115 31%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	431 29%	95 23%	78 27 %	123 29%	135 37%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	113 7,5%	56 13%	37 13%	20 4,6%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.2%	0	0	3 0.7 %	0



III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1499	417	285	431	366
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1383 (92.3%)	249 (88.3%)	432 (93.5%)	358 (93.2%)	354 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	485 32%	143 34%	87 31%	139 32%	116 31%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	467 31%	123 30%	83 29%	146 34%	115 31%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	113 7,5%	56 13%	37 13%	20 4,6%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.2%	0	0	3 0.46%	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	38/23 2.5%/1.5%	3/3 0.7%/0.7%	1/1 0.3%/0.3%	1/1 0.2%/0.2%	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	14 (0.9%)	4 (0.9%)	4 (1.4%)	3 (0.7%)	3 (0.8%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	60	0	0	0	12
1	Cấp huyện	48	10	15	11	12
2	Cấp tỉnh/thành phố	12	2	3	4	3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	366	0	0	0	366
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	366	0	0	0	366
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	116 31%	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	116 31%

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	115 31%	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	115 31%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	135 37%	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	135 37%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng, tuyển sinh 10 (tỷ lệ so với tổng số)	300/366 (82%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	300/366 (82%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	769/730	209/208	149/136	215/216	196/170
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	41	10	11	10	10

Củ Chi, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Thị Hoa